

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

LÊ VĂN HÌNH

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TẠI
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Sài Gòn

Tập thể người hướng dẫn:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Y; Nơi công tác: Học viện Cán bộ TP.HCM;
2. PGS.TS Đỗ Đình Thái; Nơi công tác: Trường Đại học Sài Gòn.

Luận án sẽ được đánh giá trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo vào ngày
.....

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) giáo dục là hoạt động vô cùng quan trọng trong quản lý giáo dục nhằm đảm bảo việc hiện thực hoá các nội dung ĐBCL có kết quả cao. Hiện nay, các hoạt động ĐBCL được phổ biến tại nhiều quốc gia, bởi đó là hoạt động cần thiết để hiện thực hoá các nội dung ĐBCL, duy trì và nâng cao các chuẩn mực chất lượng dạy và học (Nguyễn Thành Nhân, 2017). Điều này được thể hiện rất rõ qua các văn bản của quốc hội và chính phủ.

Luật Giáo dục đại học, 2018 do Quốc hội ban hành (Quốc hội 2018), Điều 49 nêu rõ mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học như: (1) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học; (2) Xác nhận mức độ cơ sở giáo dục đại học hoặc chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong từng giai đoạn nhất định; (3) Làm căn cứ để cơ sở giáo dục đại học giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo; (4) Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực; (5) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật; trung thực, công khai, minh bạch, bình đẳng, bắt buộc, định kỳ. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Cơ sở giáo dục đại học và Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 50, Luật giáo dục đại học, 2018 (Quốc hội 2018) về Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: (1) Thành lập tổ chức chuyên trách về bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. (2) Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. (3) Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học. (4) Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, gồm: Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; Phòng học, phòng làm việc, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, ký túc xá và các cơ sở dịch vụ khác; (5) Nguồn lực tài chính. (6) Công bố công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET), của cơ

sở giáo dục đại học và phương tiện thông tin đại chúng.

Theo Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ, 2018) phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”, với mục tiêu chung là phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng Khung bảo đảm chất lượng ASEAN, góp phần quan trọng thúc đẩy tự chủ giáo dục đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm; mục tiêu cụ thể giai đoạn 2022-2025 là hoàn thành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong với mục tiêu, chính sách, nguồn lực, nhiệm vụ, kế hoạch, các quy trình bảo đảm chất lượng và hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo trong từng giai đoạn trên cơ sở các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong nước và nước ngoài.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng ban hành Thông tư 38 và Thông tư 04 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại học.

Việc thực hiện quản lý hoạt động ĐBCL CTLK nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên có liên quan đóng một vai trò cực kỳ quan trọng, nó giúp cho các nhà quản lý kiểm soát tốt việc ĐBCL, thực hiện đúng cam kết về chương trình đối với người học, giúp giảng viên giảng dạy trong chương trình thực hiện đúng chức trách và nhiệm vụ giảng dạy của mình nhằm đáp ứng mong đợi cao nhất về chất lượng chương trình đang được triển khai, giúp sinh viên theo học chương trình được học trong điều kiện tốt nhất, bằng cấp được bảo đảm. Đồng thời, việc thực hiện quản lý hoạt động ĐBCL CTLK là phương thức bảo vệ người học, là trách nhiệm giải trình với các bên có liên quan, quản lý hoạt động này tốt là cam kết của phía đối tác Việt Nam trong việc triển khai các chương trình hợp tác với các đối tác nước ngoài. Và sau cùng, ĐBCL CTLK nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng trên diễn đàn quốc tế.

Hiện tại ngày càng có sự đa dạng về nhu cầu theo học các chương trình tiên

tiến, hiện đại của các trường đại học, các nước phát triển được phép triển khai tại Việt Nam, nhiều CTLK đã được MOET cấp phép cho các trường đại học tại Việt Nam theo Nghị định 86 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (Nghị định 86). Hiện cả nước có 299 chương trình liên kết đào tạo (CTLK) do Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) cấp phép (Cục công nhận văn bằng 2023) với tổng số sinh viên đang theo học là gần 25.000 SV (Báo Dân Trí, 2022). Bên cạnh đó, 2 đại học quốc gia (ĐHQG): Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy chế hoạt động được chính phủ ban hành, cả 2 Đại Học Quốc Gia được cấp phép mở CTLK cho các đơn vị thành viên và trực thuộc để triển khai các chương trình hợp tác với đối tác.

Trong bối cảnh đó, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai một số lượng lớn với tổng số 80 CTLK (Tài liệu Hội nghị thường niên ĐHQG-HCM 2023, bao gồm 59 CTLK trình độ cử nhân và 21 CTLK trình độ sau đại học). Các chương trình này tập trung chủ yếu từ cử nhân cho đến thạc sỹ với nhiều đối tác truyền thống như Anh, Úc, Hoa Kỳ, Pháp và New Zealand. Việc triển khai một số lượng lớn các CTLK đang được giảng dạy tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) tác động không nhỏ đến việc quản lý liên kết giáo dục, đặc biệt là việc thực hiện ĐBCL CTLK trong bối cảnh ngày càng có CTLK từ nhiều đối tác khác nhau. ĐBCL CTLK nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của hệ thống ĐHQG-HCM, thể hiện đúng vai trò nòng cốt của ĐHQG-HCM trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Hiện các CTLK được ĐHQG-HCM xét duyệt thông qua cơ chế thành lập hội đồng bao gồm các ban chức năng, các đơn vị có liên quan như Trung tâm khảo thí và đánh giá chất lượng đào tạo, các chuyên gia của ngành sẽ mở cùng nhau đánh giá CTLK và thông qua việc cho phép (hoặc không cho phép) các đơn vị của ĐHQG-HCM được phép triển khai CTLK. Cơ chế về ĐBCL CTLK chưa được chú trọng khi các CTLK hoàn toàn do phía đối tác cung cấp, thông qua ĐBCL cho chương trình và được công nhận về mặt chất lượng do các cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại xác nhận.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài **“Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”** là hết sức

cần thiết, đề tài đóng góp cơ sở lý luận cho việc thực hiện ĐBCL CTLK trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam, đánh giá thực trạng ưu điểm và hạn chế của hoạt động ĐBCL CTLK, các cải tiến, các ưu điểm cũng như khuyết điểm của hoạt động này, nâng cao chất lượng đào tạo đối với CTLK. Việc nghiên cứu này giúp hệ thống ĐHQG-HCM, các trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM có đánh giá tổng quan trong việc thực hiện ĐBCL CTLK, hoạt động ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM và ứng dụng cho tình hình thực tế tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK ở trường đại học và khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động ĐBCL CTĐT tại trường đại học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Việt Nam đã ban hành một số chính sách, quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong giáo dục nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc thu hút ngày càng nhiều các trường đại học danh tiếng đến triển khai CTLK tại Việt Nam. Tuy nhiên, do nhận thức về việc thực hiện ĐBCL CTLK chưa tốt, công tác quản lý hoạt động ĐBCL CTLK chưa tốt nên chất lượng của các CTLK trong thời gian qua chưa tốt. Nếu 2 công tác trên được nâng cao thì chất lượng các CTLK được bảo đảm, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK được bảo đảm.

5. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Có 6 câu hỏi nghiên cứu:

Câu hỏi nghiên cứu 1: Hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM có được thực hiện tốt?

Câu hỏi nghiên cứu 2: Quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM có được thực hiện tốt?

Câu hỏi nghiên cứu 3: Các yếu tố nào có ảnh hưởng đến quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM là gì?

Câu hỏi nghiên cứu 4: Nhận thức về hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM được thực hiện tốt không ?

Câu hỏi nghiên cứu 5: nhận thức giữa nhóm cán bộ quản lý và nhóm giảng viên về ĐBCL CTLK về quản lý ĐBCL CTLK có khác nhau không?

Câu hỏi nghiên cứu 6: Nếu tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn cho nhóm cán bộ quản lý và nhóm giảng viên về ĐBCL CTLK thì việc quản lý ĐBCL CTLK sẽ ngày càng tốt hơn?

6. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

6.1. Nghiên cứu các vấn đề lý luận về ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại trường đại học.

6.2. Khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM.

6.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM và khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

6.4. Thực nghiệm một biện pháp đã đề xuất.

7. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

7.1. Về nội dung

Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động ĐBCL CTLK đại học và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại ĐHQG-HCM với chủ thể là Hiệu trưởng các trường thành viên của ĐHQG-HCM.

7.2. Về khách thể khảo sát

Có 3 nhóm khách thể khảo sát

Nhóm cán bộ quản lý (giám đốc các trung tâm/viện đào tạo quốc tế, cán bộ quản lý các CTLK, cán bộ quản lý cấp phòng, ban, khoa có liên quan).

Nhóm giảng viên (giảng dạy CTLK).

Nhóm sinh viên (người học CTLK).

7.3. Về thời gian

Các số liệu thống kê phục vụ cho khảo sát được thu thập trong 3 năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022.

8. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU

8.1. Phương pháp tiếp cận

Phương pháp tiếp cận theo PDCA trong ĐBCL CTLK

8.2 Nhóm phương pháp luận nghiên cứu

8.2.1 Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Mục đích: Sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các vấn đề nghiên cứu lý luận trong các văn bản, tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học để xây dựng khung lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM.

8.2.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Nội dung nghiên cứu chủ yếu phân tích hiệu quả hoạt động ĐBCL CTLK ở trường đại học, thuộc lĩnh vực chính sách giáo dục nên phương pháp tiếp cận chủ yếu là định tính. Cụ thể đó là:

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: tìm hiểu thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK, thực trạng quản lý ĐBCL CTLK; Khảo sát tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp đề xuất và khảo sát kết quả thực nghiệm.

Phương pháp phỏng vấn sâu: phỏng vấn chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên liên quan đến ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại trường đại học, xin ý kiến về việc quản lý CTLK. Nội dung phỏng vấn xoay quanh các vấn đề nghiên cứu về ĐBCL CTLK, nhận thức của các đối tượng có liên quan về việc ĐBCL CTLK.

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động: nghiên cứu quy chế/quy định/tài liệu hướng dẫn tổ chức về ĐBCL CTLK.

Phương pháp thực nghiệm: tiến hành so sánh kết quả thực nghiệm trước và sau tập huấn.

8.2.3. Nhóm phương pháp xử lý dữ liệu

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu, kết quả nghiên cứu thu thập được trong quá trình nghiên cứu. Xử lý và phân tích kết quả nghiên cứu sử dụng bằng phần mềm Excel, SPSS.

Dữ liệu định tính được xử lý theo phương pháp phân tích và đối chiếu.

Dữ liệu định lượng được áp dụng để phân tích các chỉ số thống kê như tính tần số, tỉ lệ %, đối chiếu, tương quan vv...

9. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

9.1. Về lý luận

Hệ thống hóa lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại trường đại học; Hình thành khung lý thuyết về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK với điều kiện và thực tiễn của mỗi trường, cơ sở lý luận về hoạt động ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK được xây dựng góp phần làm giàu hệ thống lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK và là nền tảng lý luận cho các nghiên cứu có liên quan.

9.2. Về thực tiễn

Làm sáng tỏ thực trạng hoạt động quản lý ĐBCL CTLK tại các trường đại học thành viên ĐHQG-HCM. Đề xuất được các biện pháp quản lý ĐBCL CTLK trình độ đại học và vận dụng các mô hình CTLK phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh vào ĐHQG-HCM, các trường thành viên. Làm sáng tỏ hiệu quả biện pháp nâng cao nhận thức quản lý hoạt động CTLK trình độ đại học đã đề xuất tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM (UEL).

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài các nội dung trình bày theo quy định gồm mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trường đại học.

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại ĐHQG-HCM.

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại ĐHQG-HCM.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1 Hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

Nghiên cứu trong nước về đảm bảo chất lượng

Nghiên cứu ngoài nước về đảm bảo chất lượng

Hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

1.2 Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

Quản lý yếu tố đầu vào

Quản lý yếu tố quá trình

Quản lý yếu tố đầu ra

1.2 CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.2.1 Khái niệm đảm bảo chất lượng

ĐBCL là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện. Mối quan tâm của nó là phòng chống những sai phạm có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên. Chất lượng của sản phẩm được thiết kế ngay trong quá trình sản xuất ra nó từ khâu đầu đến khâu cuối theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt đảm bảo không có sai phạm trong bất kỳ khâu nào. ĐBCL phần lớn là trách nhiệm của người lao động, thường làm việc trong các đơn vị độc lập hơn là trách nhiệm của thanh tra viên, mặc dù thanh tra cũng có thể có vai trò nhất định trong ĐBCL.

1.2.2 Khái niệm chương trình liên kết

CTLK là chương trình giảng dạy 1 phần hoặc toàn phần ở nước ngoài, có sự phối hợp giữa giáo viên, chương trình và đội ngũ quản lý trong và ngoài nước của các trường, cả hai đối tác cùng cấp bằng

1.2.3 Khái niệm hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu

1.2.4 *Khái niệm quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học*

Quản lý là một tập hợp các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các quá trình tự nhiên và xã hội, khoa học kỹ thuật và công nghệ để chúng phát triển hợp quy luật, các nguồn lực vật chất và tinh thần, hệ thống tổ chức và các thành viên thuộc hệ thống để đạt được mục tiêu đã định.

1.3 HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.3.1 *Sự cần thiết để đảm bảo chất lượng chương trình liên kết với nước ngoài*

ĐBCL CTLK nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

1.3.2 *Nội dung hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học*

Có 5 yếu tố: (1) Đầu vào: Người học, cán bộ trong trường, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, quy chế, luật định, tài chính... (2) Quá trình đào tạo: Phương pháp và quy trình đào tạo, quản lý đào tạo... (3) Kết quả đào tạo: Mức độ hoàn thành khóa học, năng lực đạt được và khả năng thích ứng của người học... (4) Đầu ra: Người tốt nghiệp, kết quả nghiên cứu và các dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu kinh tế và xã hội. (5) Hiệu quả: Kết quả của giáo dục đại học và ảnh hưởng của nó đối với xã hội.

1.4 QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.4.1 *Tầm quan trọng của quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài*

Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học; Xác nhận mức độ cơ sở giáo dục đại học hoặc chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong từng giai đoạn nhất định; Làm căn cứ để cơ sở giáo dục đại học giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo.

1.4.2 *Các chủ thể tham gia quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học*

Hiệu trưởng

Trưởng các khoa

Trưởng các phòng

1.4.3 Nội dung quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học theo chu trình PDCA

Lập kế hoạch cho hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết theo chu trình PDCA (Plan)

Đầu vào (Input)

Quá trình (Process)

Đầu ra (output)

Thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết theo chu trình PDCA (Do)

Đầu vào (Input)

Quá trình (Process)

Đầu ra (output)

Kiểm tra hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết theo chu trình PDCA (Check)

Đầu vào (Input):

Quá trình (Process)

Đầu ra (output)

Cải tiến hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết theo chu trình PDCA (Act)

Đầu vào (Input)

Quá trình (Process)

Đầu ra (output)

1.5 CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Yếu tố thuộc về bên trong trường đại học

Yếu tố thuộc về bên ngoài trường đại học

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1 KHÁI QUÁT VỀ ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.2 CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.3 TỔ CHỨC KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

2.3.1 Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM đang triển khai, qua đó đề xuất các biện pháp, phương pháp cải tiến hoạt động ĐBCL CTLK đang triển khai tại ĐHQG-HCM.

2.3.2 Nội dung khảo sát

Bảng khảo sát được gửi đến 3 nhóm đối tượng là nhóm CBQL (giám đốc trung tâm/viện đào tạo quốc tế, người quản lý chương trình liên kết), nhóm giảng viên (giảng viên giảng dạy CTLK) và nhóm sinh viên (người học CTLK) đang theo học các chương trình này.

2.3.3 Địa bàn và khách thể khảo sát

Địa bàn được thực hiện tại Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế - Luật và Trường Đại học Công nghệ Thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh (ngoại trừ Trường Đại học An Giang không có triển khai CTLK).

a. Khách thể khảo sát

Khách thể khảo sát bao gồm: Nhóm CBQL (giám đốc trung tâm/viện đào tạo quốc tế, người quản lý chương trình liên kết), nhóm giảng viên (giảng viên giảng dạy

CTLK) và nhóm sinh viên (người học CTLK) đang theo học các chương trình này.

2.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU: PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA BẢNG HỎI VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG VẤN

2.4.1 *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

Đối tượng khảo sát, mẫu điều tra, khảo sát.

Nội dung và công cụ điều tra khảo sát.

Phương pháp xử lý số liệu.

2.4.2 *Phương pháp phỏng vấn sâu*

Bổ sung thêm thông tin để góp phần làm sáng tỏ kết quả khảo sát, kiểm tra độ trung thực của các kết quả trả lời phiếu điều tra, đồng thời tìm hiểu thêm các ý kiến khác ngoài nội dung điều tra bằng bảng hỏi và nguyên nhân của thực trạng và tìm hiểu sâu hơn về đối tượng nghiên cứu qua một số cá nhân cụ thể

2.4.3 *Xây dựng công cụ điều tra*

2.5 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.5.1 *Thực trạng về sự cần thiết phải đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình liên kết với nước ngoài*

Thực trạng sự cần thiết ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM ở cả mức đánh giá của nhóm CBQL là 3.9 và nhóm GV là 4.2

Việc ĐBCL là vô cùng cần thiết cho các CTLK đang được triển khai nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên có liên quan như nhóm GV, nhóm CBQL, và ngay cả với cơ sở đào tạo. Tất cả các bên liên quan cần ý thức được tầm quan trọng của ĐBCL CTLK. Việc thực hiện ĐBCL cần được tiến hành trong suốt quá trình diễn ra của chương trình. Các CTLK trong ĐHQG-HCM thấy được việc thực hiện ĐBCL nhưng chưa có văn bản, quy trình rõ ràng.

Ngoài ra, trường cần có/bổ sung các tiêu chí, điều kiện để ĐBCL CTLK đang được triển khai tại trường. Việc triển khai các tiêu chí này, cần có kế hoạch cụ thể rõ ràng, trình BGH thông qua, với sự hỗ trợ giám sát thực hiện của Phòng ĐBCL.

2.5.2 Thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết với nước ngoài trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Thực trạng về ĐBCL đang được thực hiện và mức độ hiệu quả là rất cao. Tuy nhiên, 1 số GV chưa thấy rõ được việc thực hiện này cho quá trình đầu vào, quá trình và quá trình đầu ra và cần nâng cao nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV về ĐBCL vì chỉ thấy GV đến giảng dạy theo trách nhiệm của GV, CBQL chỉ lo quản lý về mặt quản lý chương trình, chứ chưa thấy được việc phải thực hiện ĐBCL. Cần xây dựng sổ tay ĐBCL CTLK, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đối tượng là GV, CBQL nhân viên hỗ trợ cần làm để thực hiện công tác ĐBCL. Sổ tay ĐBCL cho CTLK là nhân tố quyết định, bảo đảm quyền lợi và lợi ích cho trường tiếp nhận triển khai chương trình.

2.6 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.6.1 Thực trạng về tầm quan trọng của quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

Việc ĐBCL là vô cùng quan trọng cho các CTLK. Nó giúp ích cho các nhà quản lý có kim chỉ nam để vận hành chương trình, giúp ích cho giảng viên nắm được các nguyên tắc, quy định về công tác ĐBCL CTLK. Vì vậy, cần triển khai càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, hiện tại tại các đơn vị chưa thấy các văn bản, quy định về ĐBCL CTLK. Ý thức của một số cán bộ quản lý, nhân viên và GV chưa thực hiện tốt công tác ĐBCL. Công tác ĐBCL là vô cùng quan trọng, do đó cần tổ chức các khoá đào tạo, các khoá tập huấn thường xuyên và liên tục cho các đối tượng có liên quan đến CTLK. Đồng thời, ban hành các văn bản nội bộ về ĐBCL CTLK và cập nhật các văn bản có liên quan cấp Bộ và cấp ĐHQG-HCM kịp thời. Xem xét việc mời các cơ quan/tổ chức kiểm định kiểm định các chương trình này để mang tính khách quan. Các văn bản cần nêu rõ ai làm gì ở các bộ phận có liên quan (nhóm CBQL và nhóm GV) để mọi người thực hiện tốt công việc của mình.

2.6.2 Thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết trình độ đại học tại ĐQG-HCM

Mức độ hiệu quả và mức độ thực hiện được thực hiện suốt trong quá trình triển khai CTLK và cải tiến đánh giá: đầu vào, quá trình và đầu ra. Tuy nhiên, cần có cơ chế, kênh thông tin đến CBQL, GV để nâng cao ý thức của mọi người về ĐBCL CTLK, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của trường vì các hoạt động, hành động cũng như chương trình giữa hai đối tượng chưa được đồng đều. Đơn vị đang triển khai các CTLK cần có sổ tay ĐBCL hoặc văn bản hướng dẫn việc thực hiện ĐBCL CTLK vì đôi lúc muốn thực hiện nhưng không có văn bản hướng dẫn cụ thể hoặc tiến hành tập huấn cho các bên có liên quan để họ làm đúng.

Tuy nhiên, để công tác ĐBCL được thực hiện tốt cần áp dụng quy trình PDCA, áp dụng việc ĐBCL ở quy trình đầu vào, quy trình triển khai và quy trình đầu ra. Việc kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục đối với cả nhóm GV, nhóm CBQL, đi kèm cùng việc kiểm tra, cần trang bị thêm các công cụ cho việc kiểm tra như: chương trình, kế hoạch, bảng chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện vv...

2.6.3 Thực trạng mức độ ảnh hưởng của chương trình liên kết đến các đơn vị của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Thực trạng mức độ ảnh hưởng của CTLK ảnh hưởng đến các đơn vị của ĐHQG-HCM về mặt nghiên cứu là Khá ảnh hưởng với ĐTB là 3.9. DLC của bảng phân tích thấy rõ ở cả nhóm CBQL và nhóm GV, ĐTB đều < 1, chứng tỏ đánh giá có độ tập trung cao. 2 yếu tố đầu < 0.05 chứng tỏ mức độ tập trung cao, không phân tán giữa nhóm CBQL và nhóm GV, yếu tố thứ ba Không tạo ra cơ hội nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên của ĐHQG-HCM có sự phân tán giữa nhóm CBQL và nhóm GV.

2.7 CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

2.7.1 Thực trạng yếu tố bối cảnh

Hiện các chủ thể có liên quan chưa thấy được sự chỉ đạo sát sao từ BGH trong việc thực hiện ĐBCL CTLK. Do đó, để công tác ĐBCL được thực hiện xuyên suốt từ trên xuống dưới đòi hỏi phải có sự đầu tư thời gian của BGH, của Phòng ĐBCL,

Viện/Trung tâm Đào tạo Quốc tế. Có sự chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện công tác này. Công tác chỉ đạo, nâng cao nhận thức cho các đối tượng có liên quan có thể được thực hiện qua các buổi họp giao ban chuyên đề về ĐBCL CTLK, qua các buổi tập huấn với việc mời các chuyên gia đến trình bày, tập huấn nội bộ từ Phòng ĐBCL. Các buổi trao đổi, làm việc như vậy là cơ hội để BGH hiểu tình hình thực hiện công tác ĐBCL từ các đơn vị cá nhân có liên quan để có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.7.2 *Yếu tố bên trong và bên ngoài*

2.8 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG

2.8.1 *Ưu điểm*

Các CTLK bậc đại học tại ĐHQG-HCM là cần thiết cho toàn hệ thống về mặt đào tạo, nghiên cứu và giảng dạy trong bối cảnh quốc tế hoá giáo dục đại học ngày càng diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các nước

2.8.2 *Hạn chế*

Một số hạn chế có thể thấy được qua phân tích bảng hỏi và phỏng vấn sâu: (1) CTLK chưa tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp giảng dạy. (2) CTLK chưa hỗ trợ tăng cường năng lực giảng dạy cho giảng viên. (3) CTLK chưa hỗ trợ tăng cường năng lực cơ sở vật chất. (4) CTLK chưa hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu của các đơn vị của ĐHQG-HCM cũng như của ĐHQG-HCM. (5) CTLK chưa đóng góp cho việc phát triển nguồn nhân lực của đơn vị liên kết. (6) Cơ chế ĐBCL trong các hoạt động đầu vào, hoạt động quá trình và hoạt động đầu ra cần được cải thiện trong thời gian tới

2.8.3 *Nguyên nhân*

Các CTLK được giảng dạy theo các nội dung mà phía đối tác đề xuất (do trường đối tác cấp bằng), nên việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như việc tăng cường năng lực cho GV qua các chương trình này là khó thực hiện. Nhóm GV tham gia chương trình chỉ thực hiện theo nội dung mà phía trường đối tác đề xuất, đồng thời việc thực hiện ĐBCL CTLK chỉ do phía đối tác thực hiện. Trong khi đó, các cơ quan kiểm định trong nước chưa đủ khả năng, chưa tăng cường được hợp tác quốc tế để có thể tiến hành kiểm định các chương trình này (Damme, 2002).

CHƯƠNG 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC
QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1 CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu

Nguyên tắc đảm bảo tính lý luận

Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

3.2 CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐƯỢC ĐỀ XUẤT NHẪM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

3.2.1 *Nhóm biện pháp chú trọng nâng cao nhận thức của nhóm cán bộ quản lý và nhóm giảng viên*

Chú trọng khả năng nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV trong việc thực hiện quản lý hoạt động ĐBCL CTLK thông qua các khoá đào tạo, tập huấn

3.2.2 *Nhóm biện pháp tăng cường lập kế hoạch (Plan)*

Tiến hành lập kế hoạch triển khai công tác ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK cho toàn bộ các CTLK đang được diễn ra tại trường.

3.2.3 *Biện pháp tăng cường chức năng tổ chức (Do)*

Phân định rõ trách nhiệm của CBQL, GV trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp nhằm ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

3.2.4 *Biện pháp tăng cường chức năng kiểm tra (Check)*

Tăng cường kiểm tra việc nhóm CBQL và nhóm GV thực hiện tốt nhất việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK

3.2.5 *Biện pháp tăng cường chức năng cải tiến chất lượng (Act)*

Xác định vấn đề cần cải tiến để ĐBCL CTLK, cải tiến quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

3.3 MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ KHÁCH THỂ KHẢO SÁT

Nhằm đánh giá sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý các CTLK tại các đơn vị của ĐHQG-HCM

Nội dung khảo sát tập trung trả lời hai câu hỏi chính: (1) Các biện pháp đề xuất có thật sự cấp thiết trong việc tăng cường hoạt động ĐBCL CTLK tại các đơn vị của ĐHQG-HCM hay không? (2) Các biện pháp được đề xuất có thật sự cấp thiết trong việc tăng cường hoạt động ĐBCL CTLK tại các đơn vị của ĐHQG-HCM hay không?

3.4 ĐỊA BÀN KHẢO SÁT

Các trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5 KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ TÍNH KHẢ THI VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT

Tất cả 4 nhóm biện pháp với tổng cộng 10 biện pháp cụ thể, trong đó có 10 biện pháp được đánh giá mức độ “Rất khả thi” với điểm trung bình thấp nhất là 4.6.

Tất cả 4 nhóm biện pháp với tổng cộng 10 biện pháp cụ thể, trong đó tất cả 4 nhóm biện pháp và 10 biện pháp được đánh giá mức độ “Rất cấp thiết” với điểm trung bình thấp nhất là 4.6.

3.6 THỰC NGHIỆM MỘT BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.6.1 Cơ sở lựa chọn biện pháp thực nghiệm

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM đang triển khai tổng số 10 CTLK, trong đó có 6 CTLK bậc đại học với các đối tác Anh và Pháp.

3.6.2 Nội dung thực nghiệm

Nhóm biện pháp chú trọng nâng cao nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV về quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài với biện pháp là Tăng cường nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV trong việc thực hiện ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK thông qua khóa đào tạo, tập huấn.

3.6.3 Giả thuyết thực nghiệm

Nếu thực hiện nhóm biện pháp “chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên về quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài” với biện pháp cụ thể “Tăng cường nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên trong việc thực hiện ĐBCL CTLK thông qua các khóa đào tạo, tập huấn” thì hoạt động ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK được cải thiện và nâng cao, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQG-HCM và của đơn vị triển khai các CTLK.

3.6.4 Địa bàn và thời gian thực nghiệm

Địa bàn: Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Thời gian: Học kỳ hè, năm học 2022 – 2023.

3.7 PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

3.7.1 Kết quả khảo sát giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trước tập huấn

Tác giả tiến hành phân tích về việc nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV về ĐBCL CTLK giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng vào thời điểm trước tập huấn. Điểm trung bình của nhóm CBQL, nhóm GV tập huấn là 2.67 và nhóm CBQL, nhóm GV không tham gia tập huấn (đối chứng) là 2.88. Dùng t-test để kiểm tra mức ý nghĩa của sự khác biệt giữa ĐTB của 2 mẫu tổng hợp độc lập vào thời điểm trước tập huấn (thực nghiệm và đối chứng), kết quả nhận được là sig. (2-tailed) là 0.296. Như vậy, sự khác biệt không có ý nghĩa.

3.7.2 Kết quả khảo sát giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau tập huấn

Tác giả tiến hành phân tích về việc nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV về ĐBCL CTLK giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng vào thời điểm sau tập huấn. Điểm trung bình của nhóm CBQL, nhóm GV tập huấn là 4.71 và nhóm nhóm CBQL, nhóm GV không tham gia tập huấn (đối chứng) là 2.82. Dùng t-test để kiểm tra mức ý nghĩa của sự khác biệt giữa ĐTB của 2 mẫu tổng hợp độc lập vào thời điểm sau tập huấn (thực nghiệm và đối chứng), kết quả nhận được là sig. (2-tailed) là 3.642. Như vậy, sự khác biệt có ý nghĩa.

3.7.3 Kết quả khảo sát nhóm thực nghiệm trước và sau tập huấn

Tác giả tiến hành phân tích về việc nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV về ĐBCL CTLK nhóm thực nghiệm trước và sau tập huấn. Điểm trung bình của nhóm CBQL và nhóm GV trước tập huấn là 2.67 và sau tập huấn là 4.71. Dùng t-test để kiểm tra mức ý nghĩa của sự khác biệt giữa ĐTB của 2 mẫu tổng hợp độc lập vào thời điểm trước tập huấn (thực nghiệm và đối chứng), kết quả nhận được là sig. (2-tailed) là 3.643. Như vậy, sự khác biệt có ý nghĩa.

3.7.4 Kết quả khảo sát giữa nhóm đối chứng trước và sau tập huấn

Tác giả tiến hành phân tích về việc nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV về ĐBCL CTLK nhóm đối chứng trước và sau tập huấn. Điểm trung bình của nhóm CBQL và nhóm GV tập huấn trước tập huấn là 2.88 và sau tập huấn (không tham gia tập huấn - đối chứng) là 2.84. Dùng t-test để kiểm tra mức ý nghĩa của sự khác biệt giữa ĐTB của 2 mẫu tổng hợp độc lập vào thời điểm trước tập huấn và sau tập huấn, kết quả nhận được là sig. (2-tailed) là 1.124. Như vậy, sự khác biệt không có ý nghĩa.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2 Đối với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.3. Đối với các trường thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.4. Đối với Phòng Hợp tác Quốc tế/Quan hệ Đối ngoại, Trung tâm Đào tạo quốc tế/Viện Đào tạo Quốc tế của các đơn vị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.5. Đối với cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên chương trình liên kết các đơn vị của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ**

- Lê Văn Hinh, Đỗ Đình Thái, Nguyễn Văn Y (2020), Các chương trình liên kết đang triển khai tại Việt Nam và khuyến nghị chính sách, trang 140, số đặc biệt, Tạp chí giáo dục
- Lê Văn Hinh (2023), Thực trạng triển khai các chương trình liên kết quốc tế trình độ cử nhân tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trang 243, Tập 23, số đặc biệt 6, Tạp chí giáo dục.
- Lê Văn Hinh (2023), Thực trạng triển khai các chương trình liên kết quốc tế bậc đại học và sau đại học tại ĐHQG-HCM, trang 330, Tập 23, số đặc biệt 10, Tạp chí giáo dục.
- Lê Văn Hinh (2023), Một số vấn đề về nhập khẩu giáo dục qua triển khai chương trình liên kết quốc tế và khuyến nghị cho các trường đại học ở Việt Nam, trang 336, Tập 23, Số đặc biệt 11, Tạp chí giáo dục.

